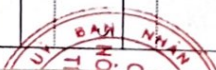


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2023 - 2024
Tuần 18: từ ngày 11/12/2023 đến ngày 17/12/2023

THỨ		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K7-V DTY	Sáng	Thực tập cơ bản (Duyên)	4		Thực tập cơ bản (Duyên)	4
	Chiều	Thực tập cơ bản (Duyên)	4	Thực tập cơ bản (Duyên)	4	Thực tập cơ bản (Duyên)
K8-DVTV K9-DVTV P.304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Quản trị kinh doanh (Thúy)	1 2	4 Quản trị kinh doanh (Thúy)	4 2	4 KTNPTB cho gả vít ... (Hòa)
	Chiều	Luật Thú y (Nga)	2	Luật Thú y (Nga)	2	
K9-KTDN K8-KTDN P.302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> Kế toán NSXP (Hoa)	1 4	5 Kế toán DN2 (Hoa)		4 Kế toán DN1 (Thảo)
	Chiều			<i>Kế toán DN2 (Hoa)</i>	4 <i>Kế toán DN2 (Hoa)</i>	4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT63A1 P.201	Sáng			Sinh lý TV (Huệ)	4	4
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Tiếng anh (Linh)	1 3	4 Tiếng anh (Linh)	4 Bệnh cây đại cương (Lịch)	4 Bệnh cây đại cương (Lịch)
CNTY 62A1 P.204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> KTNPTB cho trâu bò... (Văn)	1 4	4 KTNPTB cho gả vít (Duyên)		4 Quản trị kinh doanh (Thúy)
	Chiều					
CNTY 62A3 P.205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> KT thịt và các sp khác (Lệ)	1 4	4 Kỹ sinh trùng TY (Phượng)		4 Kỹ sinh trùng TY (Phượng)
	Chiều					
CNTY 63A1 P.101	Sáng			DD thực ăn CN (Phượng)	4 Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Tiếng anh (K.Nhung)	1 3	4 Khuyến nông (Hùng)	4 Tiếng anh (K.Nhung)	4 DD thực ăn CN (Phượng)
CNTY 63A3 P.102	Sáng			GDQP - AN (Mạnh)	4 GDQP - AN (Mạnh)	4
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> GDQP - AN (Mạnh)	1 3	4 GDQP - AN (Mạnh)	4 Tiếng anh (Linh)	4 Tiếng anh (Linh)



CNTV63A4 P.103	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	GP.SL vật nuôi (Hằng)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Chính trị (Tài)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	ĐD và thực ăn CN (Hoa)	4								
KTDN62A P.302	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Kế toán DN2 (Hoa)	5			Kế toán DN1 (Thảo)	4	Kế toán DN2 (Hoa)	5
	Chiều	Kế toán NSXP (Hoa)	4								
KTDN62B	Sáng			Kế toán DN2 (Thảo)	4	Kế toán DN2 (Thảo)	4	Kế toán DN2 (Thảo)	4		4
	Chiều										
KTDN63A P.305	Sáng			Chính trị (Tài)	4	Kinh tế vi mô (Thúy)	4		4		
	Chiều	Sinh hoạt lớp	1	Tiếng anh (K.Nhung)	4	GDTC (Thúy)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Nguyên lý TK (Hoa)	4
KTDN63B	Sáng	Kỹ năng mềm (Son)	3								
	Chiều	Chính trị (Quốc)	2	Kỹ năng mềm (Dung)	4	Nguyên lý TK (Mai)	4	Chính trị (Quốc)	4	Kỹ năng mềm (Dung)	4
CNTT62A P.THTH	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	XD và QL Website (Quang)	4			XD và QL Website (Quang)	4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4
	Chiều	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4								
CNTT63A1 P.203	Sáng	Sinh hoạt lớp	1			Tiếng anh (Ly)	2			Tiếng anh (Ly)	2
	Chiều	Kỹ năng mềm (Son)	4			GDTC (Thúy)	2			GDTC (Thúy)	2
CNTT63A2 P.202	Sáng	Sinh hoạt lớp	1			Bảng tính Excel (Hà)	4	Bảng tính Excel (Hà)	4	Tin học VP (Phuong)	4
	Chiều	Bảng tính Excel (Hà)	4			Tin học VP (Thảo)	4			Tiếng anh (Linh)	2
DCN62A P.A101	Sáng	Sinh hoạt lớp	1			Kỹ năng mềm (Son)	4	Tiếng anh (Linh)	4	Bảng tính Excel (Hà)	4
	Chiều	Trang bị điện (Nga)	3								
DCN62B	Sáng			Cung cấp điện (D.Dức)	4			Trang bị điện (Nga)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4
	Chiều					Cung cấp điện (D.Dức)	4	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4	Trang bị điện (Nga)	4

ĐCNC63A1 P.A102	Sáng	Vật liệu điện (Huân)	4	Vật liệu điện (Huân)	4				
	Chiều			Mạch điện (Dương)	4	Mạch điện (Dương)	4	Mạch điện (Dương)	4
ĐCNC63A2 P.A301	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Vẽ kỹ thuật điện (N.Đức)	4		Vật liệu điện (Huân)	4	
		Vẽ kỹ thuật điện (N.Đức)	3		Vật liệu điện (Huân)	4	Vật liệu điện (Huân)	4	
ĐCNC63A3 P.A302	Chiều			Vật liệu điện (Huân)	4	An toàn điện (Hòa)	4	An toàn điện (Hòa)	4
	Sáng	Sinh hoạt lớp	1	Vẽ kỹ thuật điện (N.Đức)	4			Chính trị (Tài)	4
ĐCNC63B	Sáng	An toàn điện (Huân)	3		Vật liệu điện (Nga)	4	Vật liệu điện (Nga)	4	GDTC (Hội)
	Chiều			Vật liệu điện (Huân)	4	Chính trị (Quốc)	4	Vật liệu điện (Huân)	4
TL62	Sáng	Chính trị (Quốc)	2	Vẽ KT điện (Huân)	4				
	Chiều	GDTC (Quang)	2		Vẽ KT điện (Huân)	4			
TL63B	Sáng	Chính trị (Quốc)	2	Bảo vệ MT (Hòa)	4	Thủy lực cơ sở (Huân)	4	Thủy lực cơ sở (Huân)	4
	Chiều	GDTC (Quang)	2		Thủy lực cơ sở (Huân)	4			
CBBQ52B	Sáng	CB nước mặn (Liên)	4	Chế biến lạnh đông (Năm)	3	CB nước mặn (Liên)	3		
	Chiều								
CBTS 63	Sáng	Chính trị (Quốc)	2	Vi sinh vật TP (Liên)	4	KT lạnh cơ sở (Năm)	4	Chính trị (Quốc)	4
	Chiều	GDTC (Quang)	2		Vi sinh vật TP (Liên)	4			
KTM63	Sáng	Chính trị (Quốc)	2	Vẽ kỹ thuật (Bình)	4	Luật công ước hàng hải (Trung)	4	Chính trị (Quốc)	4
	Chiều	GDTC (Quang)	2						

LỚP	THỨ		CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN								
	Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật						
DKTB63	Sáng	Chính trị (Quốc) GDTC (Quang)	2	Vẽ kỹ thuật (Bình)	4	Luật hàng hải (Trung)	4	Chính trị (Quốc)	4	Cơ sở vô tuyến điện (Tiền)	4
	Chiều					Cơ sở vô tuyến điện (Tiền)	4				
TT63A2 P.305	Sáng			Sinh hoạt lớp				Sinh lý TV (Huệ)	4	Sinh lý TV (Huệ)	4
	Chiều			Sinh lý TV (Huệ)				Sinh lý TV (Huệ)	4	Sinh lý TV (Huệ)	4
CN62A2 CN63A2 P.303	Sáng			Sinh hoạt lớp				KTTG (Lê)	4	KTTG (Lê)	4
	Chiều			VSV và bệnh TN (Văn)				KTTG (Lê)	4	KTTG (Lê)	4
KTMTT62	Sáng			Khuyến nông (Tuyết)				KTTG (Lê)	4	KTTG (Lê)	4
	Chiều			BDSCCBHT phục vụ D.ME TT (Đồng)				BDSCCBHT phục vụ D.ME TT (Đồng)	4	BDSCCBHT phục vụ D.ME TT (Đồng)	4
DKTB62	Sáng			BDSCCBHT phục vụ D.ME TT (Đồng)				BDSCCBHT phục vụ D.ME TT (Đồng)	4	BDSCCBHT phục vụ D.ME TT (Đồng)	4
	Chiều			Địa văn hàng hải I (Tiền)				Cơ sở vô tuyến điện (Tiền)	4	Cơ sở vô tuyến điện (Tiền)	4
				Cơ sở vô tuyến điện (Tiền)				Cơ sở vô tuyến điện (Tiền)	4	Cơ sở vô tuyến điện (Tiền)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP THANH HOÁ
Lâm Thị Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOA BIỂU NĂM HỌC 2023 - 2024
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GD TX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Tuần 18: từ ngày 11/12/2023 đến ngày 17/12/2023

Thứ		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
LỚP	VH61B P.104	Sinh hoạt lớp GD CD (Tài)	1 Sinh học (Phượng) 3 Ngữ văn (H.Hà)	2 Địa lý (Nga) 2 Vật lý (Hòa)	2 Toán (Quý) 2 Ngữ văn (H.Hà)	2 Vật lý (Hòa) 2 Hóa học (Văn)
	Chiều					
VH62B1 P.204	Sáng			Sinh học (Nga)	4	
	Chiều	Sinh hoạt lớp GD KT và PL (Quyên)	1 CDLC Ngữ văn (H.Hà) 3 GD KT và PL (Quyên)	2 Ngữ văn (H.Hà) 2 Hóa học (Hà)	2 CDLC Ngữ văn (H.Hà) 2 Hóa học (Hà)	2 CDLC Địa lý (Sáu) 2
VH62B3 P.A101	Sáng			Vật lý (Văn)	4	
	Chiều	Ngữ văn (Tâm) GD KT và PL (Quế)	2 Vật lý (Văn) 2 Sinh học (Phượng)	2 GD KT và PL (Quế)	4 CDLC GD KT và PL (Quế)	4 CDLC Địa lý (Nhài)
VH62B4	Sáng	Địa lý (Thủy)	4 CD GD KT và PL (Quyên)	4		
	Chiều	Ngữ văn (Hằng)	4 Ngữ văn (Hằng)	3 Toán (Huân)	4 CD GD KT và PL (Quyên)	4 CDLC Hóa học (Thủy)
VH62B5 P.301	Sáng			CD GD KT và PL (Quyên)	4	
	Chiều	Sinh hoạt lớp Vật lý (Văn)	1 Toán (Quý) 3	2 Sinh học (Nga)	4 CDLC Ngữ văn (Tâm)	4 Ngữ văn (Tâm)
VH63B4 P.103	Sáng					
	Chiều	Sinh hoạt lớp GD KT và PL (Nga)	1 Ngữ văn (Hương) 3 CDLC Lịch sử (Dư)	2 Hóa học (Hà) 2 Lịch sử (Dư)	2 Sinh học (Phượng) 2 Toán (Quý)	2 Toán (Quý) 2 CDLC Lịch sử (Dư)
VH63B1	Chiều	GD KT và PL (Thủy)	4 Vật lý (Hòa)	4	4 Địa lý (Thủy)	4 CDLC Địa lý (Thủy)



VH63B2 P.101	Sáng	Sinh hoạt lớp Ngữ văn (Hường)	1 2 2	Sinh học (Nga)	5			Toán (Nhưng) Địa lý (Sâu)	2 3
VH63B3 P.102	Sáng	Sinh hoạt lớp Hóa học (Hà) Ngữ văn (Hường)	1 2 2	Địa lý (Sâu)	5			Địa lý (Sâu) Toán (Nhưng)	2 2
VH63B5 P.A102	Sáng					Toán (Quý)	4	CDLC Ngữ văn (Tâm)	5
	Chiều	Hóa học (Hà) CDLC Ngữ văn (Tâm)	2 2	GDKT và PL (Quốc)	4				
VH63B6 P.203	Sáng			Toán (Quý)	4		Địa lý (Chung)	4	
	Chiều	Sinh hoạt lớp Toán (Quý)	1 3	CDLC Lịch sử (Giang)	4				
VH63B7 P.202	Sáng			CDLC Lịch sử (Giang)	5		Vật lý (Hóa) Hóa học (Vân)	2 2	
	Chiều	Sinh hoạt lớp CDLC Ngữ văn (Hà)	1 3	GDKT và PL (Nga) Hóa học (Vân)	2 2				
VH63B8 P.305	Sáng	Sinh hoạt lớp Sinh học (Phường) Vật lý (Vân)	1 2 2	Ngữ văn (Hường) Toán Hương	2 2			GDKT và PL (Quốc)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
BAN NHÂN
CAO ĐẢNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH HỒA
* Lâm Thị Hương

